

Bản án số: 1135/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2017
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2016/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2017/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2017/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: Tổ C, ấp 5, xã D, huyện H, Tp.HCM

Bị đơn: Ông Danh Thanh T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1/73A khu phố X, thị trấn H, huyện H, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/5/2016, bản tự khai ngày 02/8/2016, Các Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 22/8/2016 và ngày 27/02/2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày:

Năm 2013, bà Trần Ngọc L cùng ông Danh Thanh T tự nguyện tìm hiểu, thương nhau và quyết định xây dựng hạnh phúc gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, TPHCM ngày 13/3/2014. Sau khi kết hôn bà L và ông T sống tại nhà cha mẹ ruột ông T tại 1/73A khu phố X, thị trấn H, huyện H, TPHCM. Sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông T thường xuyên đánh đập bà và con và bỏ nhà đi chơi với bạn bè nhiều ngày không về, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Đến

năm 2016 thì ông T bỏ nhà đi không về, không quan tâm liên lạc hay thăm năm con. Nay xác định tình yêu thương vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Trần Thảo A, sinh ngày 12/8/2014. Hiện nay trẻ A đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên sau ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bị đơn để tổ chức phiên hoà giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn là ông Danh Thanh T vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Danh Thanh T, quan hệ tranh chấp giữa bà L và ông T là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Danh Thanh T hiện cư trú tại 1/73A khu phố X, thị trấn H, huyện H, TPHCM nên căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Ông Danh Thanh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Ngọc L và ông Danh Thanh T : Bà L, ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, TPHCM vào ngày 13/3/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo điều 08, điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm bà L cương quyết xin ly hôn với ông T do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông T thường xuyên đánh đập bà và con nhỏ đồng thời bỏ nhà đi chơi với bạn bè nhiều ngày không về, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông T có thời gian chung sống là từ năm 2013 đến năm 2016. Trong quá trình sống chung, năm 2014 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và năm 2016 thì ly thân đến nay. Sau khi ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa đôi bên hết sức trầm trọng dẫn đến tình

yêu thương vợ chồng giữa bà và ông T không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà L với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn là ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông T có 01 con chung tên Danh Trần Thảo A, sinh ngày 12/8/2014. Sau ly hôn bà L yêu cầu nuôi dưỡng trẻ A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại trẻ A đang sống với bà L và từ sau khi ly thân đến nay ông T cũng không thăm hỏi, cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà L là phù hợp điều kiện sống hiện tại của trẻ A và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ A cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có yêu cầu của bà L.

- Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện VKSND huyện H tham gia phiên tòa: Thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa VKSND huyện H xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định do Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: bà Trần Ngọc L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 28, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc L.

Bà Trần Ngọc L sinh năm 1989 được ly hôn với ông Danh Thanh T sinh năm 1985.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Trần Thảo A, sinh ngày 12/8/2014. Giao trẻ A cho bà Trần Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có yêu cầu của bà L.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí HNGĐST: Bà Trần Ngọc L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009183 ngày 07/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà L đã nộp xong án phí HNGĐST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.Học Môn;
- Chi cục THADS H.Học Môn;
- UBND thị trấn Hóc Môn, H.Học Môn;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Yến Ngọc